Người ký: Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh
Email: cuchcm@customs.gov.vn
Cơ quan: Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính
Thời gian ký: 07.07.2020 15:50:17 +07:00

TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TP.HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44 /QĐ-HQHCM-GQKN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Công ty TNHH MARS Việt Nam

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại và Nghị định số 71/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan; được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 và Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Thanh tra Chính phủ quy định qui trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 08/2015/NĐ-CP; được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-HQHCM ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Cục trưởng Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh về việc uỷ quyền giải quyết khiếu nại về giá tính thuế, mã số hàng hoá (HS) và chính sách thuế;

*Xét Đơn khiếu nại không số ghi ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Công ty TNHH MARS Việt Nam; mã số thuế: 0314898754; địa chỉ: 161 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Q.1, TP.Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "**Công ty**").*

I. Nội dung khiếu nại:

- Công ty không đồng ý việc bác bỏ trị giá giao dịch và xác định giá tính thuế của Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư thuộc Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "**Chi cục**") tại các Quyết định ấn định thuế số 82/QĐ-ĐT ngày 10/01/2020; Quyết định ấn định thuế số 158/QĐ-ĐT ngày 20/01/2020; Quyết định ấn định thuế số 177/QĐ-ĐT ngày 04/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 248/QĐ-ĐT ngày 10/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 317/QĐ-ĐT ngày 20/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 440/QĐ-ĐT ngày 03/3/2020 đối với mặt hàng "kẹo mềm, kẹo sing-gum, viên ngậm không đường các loại …., nhiều xuất xứ" Công ty đã nhập khẩu tại 30 tờ khai hải quan.

- Công ty không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 893/QĐ-ĐT ngày 29/4/2020 của Chi cục với nội dung giữ nguyên các Quyết định ấn định thuế nêu trên. Căn cứ quy định hiện hành, Công ty cho rằng Chi cục Hải quan không có đủ cơ sở để bác bỏ trị giá khai báo cho hàng hoá nhập khẩu tại 30 tờ khai nêu trên.

- Công ty yêu cầu được xem xét chấp nhận trị giá giao dịch và được hoàn lại số tiền thuế đã nộp bổ sung của 30 tờ khai hải quan đã nhập khẩu.

II. Kết quả giải quyết khiếu nại của người đã giải quyết khiếu nại lần đầu:

Khiếu nại lần đầu đã được Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 893/QĐ-ĐT ngày 29/4/2020 với kết luận không chấp nhận khiếu nại, giữ nguyên các Quyết định ấn định thuế số 82/QĐ-ĐT ngày 10/01/2020; Quyết định ấn định thuế số 158/QĐ-ĐT ngày 20/01/2020; Quyết định ấn định thuế số 177/QĐ-ĐT ngày 04/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 248/QĐ-ĐT ngày 10/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 317/QĐ-ĐT ngày 20/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 440/QĐ-ĐT ngày 03/3/2020.

III. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại:

1. Nội dung xác minh:

Cục Hải quan TP.Hồ Chí Minh làm rõ nội dung khiếu nại của Công ty TNHH MARS Việt Nam đối với việc bác bỏ trị giá giao dịch của Chi cục tại các Quyết định ấn định thuế số 82/QĐ-ĐT ngày 10/01/2020; Quyết định ấn định thuế số 158/QĐ-ĐT ngày 20/01/2020; Quyết định ấn định thuế số 177/QĐ-ĐT ngày 04/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 248/QĐ-ĐT ngày 10/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 317/QĐ-ĐT ngày 20/02/2020; Quyết định ấn định thuế số 440/QĐ-ĐT ngày 03/3/2020 cho các lô hàng nhập khẩu tại 30 tờ khai hải quan (đã được Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định

số 893/QĐ-ĐT ngày 29/4/2020), xác minh việc khiếu nại của Công ty là đúng hay sai, căn cứ pháp lý để dẫn đến việc khiếu nại lần hai.

2. Kết quả xác minh:

2.1. Trên cơ sở Đơn khiếu nại lần hai không số ghi ngày 20/5/2020 và các chứng từ tài liệu của Công ty xuất trình; báo cáo của Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư 2374/ĐT-NVHĐTKĐ ngày 12/6/2020 và hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu, hồ sơ tham vấn; kết quả đối thoại tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần hai ghi nhận tại Biên bản đối thoại số 44/BBĐT-TXNK ngày 16/6/2020 được lập giữa Phòng Thuế Xuất nhập khẩu (đơn vị được Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh ủy quyền thực hiện xác minh tại Quyết định số 1057/QĐ-HQHCM ngày 03/6/2020) với Công ty và Chi cục; Báo cáo xác minh nội dung khiếu nại số 44/BC-ĐT ngày 06/7/2020 của Phòng Thuế Xuất nhập khẩu. Nội dung tóm tắt như sau:

Công ty TNHH MARS Việt Nam đăng ký 30 tờ khai hải quan tại Chi cục để nhập khẩu lô hàng "kẹo mềm, kẹo sing-gum, viên ngậm không đường các loại …., nhiều xuất xứ", giá khai báo được kê khai theo từng loại hàng.

Do nghi vấn giá tính thuế, Chi cục đã ban hành các Thông báo nghi vấn giá, mời Công ty tham vấn, làm rõ các nghi vấn. Kết quả sau tham vấn (thể hiện tại 07 Biên bản tham vấn), Chi cục quyết định bác bỏ trị giá khai báo của Công ty và điều chỉnh giá tính thuế một số mục hàng tại 11 Thông báo về trị giá, cụ thể như sau:

Quyết định ấn định thuế 82/QĐ-ĐT ngày 10/01/2020 theo Thông báo về trị giá 35/TB-ĐT 06/01/2020 (biên bản tham vấn số 2578/BB 02/01/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103032530861/A41 06/12/2019	1	Kẹo Sing-gum Doublemint hương Bạc Hà / Doublemint Peppermint stick gum / (2.7g x 5 thanh x 20 gói x 60 hộp/thùng = 16.2 kg/thùng)	75.55	83.98
103032752431/A41 06/12/2019	1	Kẹo cao su hiệu Doublemint Hương Bạc hà (DM G2) chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9kg/thùng) (dạng xá)	72.07	110.03
103033179101/A41 06/12/2019	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	68.49	110.03
103033637932/A41 06/12/2019	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	68.55	110.03
103033982441/A41 06/12/2019	1	Kẹo mềm Sugus hương Cam / Sugus stick Orange / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.34	69.71
	2	Kẹo mềm Sugus hương Dâu / Sugus Raspberry stick / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.48	69.71
	3	Kẹo mềm Sugus hương Trái Cây 0.999 kg/ Sugus Assorted / (0.999 kg/bịch x 10 bịch/thùng = 9.99 kg/thùng) (NFJ)	24.47	39.06

103040838 131/A41 10/12/2019	1	Viên ngậm không đường Doublemint hương cam (Orange) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	38.70	46.67
	2	Viên ngậm không đường Doublemint hương chanh (Lemon Ice) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	34.36	45.08
	3	Viên ngậm không đường Doublemint hương bạc hà (Peppermint) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	38.98	45.79
	4	Viên ngậm không đường Doublemint hương bạc hà lục (Spearmint) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	37.72	45.08

Quyết định ấn định thuế 158/QĐ-ĐT ngày 20/01/2020 theo:

+Thông báo về trị giá 118/TB-ĐT 10/01/2020 (biên bản tham vấn số 2669+09/BB 10/01/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103085687 942/A41	2	Viên ngậm không đường Doublemint hương cam (Orange) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	38.50	46.67
	3	Viên ngậm không đường Doublemint hương bạc hà (Peppermint) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	38.77	45.79
103085879 041/A41	1	Viên ngậm không đường Doublemint hương cam (Orange) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	40.22	46.67
	2	Viên ngậm không đường Doublemint hương chanh (Lemon Ice) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	35.70	45.08
	3	Viên ngậm không đường Doublemint hương Bạc Hà (Peppermint) / Doublemint/Eclipse Peppermint / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (12 kg/thùng)	58.68	70.48

+Thông báo về trị giá 117/TB-ĐT 10/01/2020 (biên bản tham vấn số 2669+09/BB 10/01/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103045627 531/A41	1	Kẹo Sing-gum Doublemint hương Bạc Hà / Doublemint Peppermint stick gum / (2.7g x 5 thanh x 20 gói x 60 hộp/thùng = 16.2 kg/thùng)	75.56	83.98
103048434 861/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	68.03	110.03

+Thông báo về trị giá 115/TB-ĐT 10/01/2020 (biên bản tham vấn số 2709/BB 10/01/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103068802761/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	68.17	110.03

Quyết định ấn định thuế 177/QĐ-ĐT ngày 04/02/2020 theo Thông báo về trị giá 275/TB-ĐT 22/01/2020 (biên bản tham vấn số 53/BB 22/01/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103082558022/A41	1	Kẹo cao su hiệu Doublemint Hương Bạc hà (DM G2) chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9kg/thùng)	69.46	110.03
103092406801/A41	1	Kẹo cao su hiệu Extra Xylitol Strawberry Flavour chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (11,84 kg/thùng)	70.08	78.35
	2	Kẹo cao su hiệu Extra Xylitol Sweetmint flavor chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (11.84kg/thùng)	68.77	75.87
	3	Kẹo cao su hiệu Extra Professional peppermint flavor chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (11.84kg/thùng)	68.25	76.13
	4	Kẹo sing-gum Doublemint hương Bạc hà/ Doublemint chewing gum / (32g/hộp x 10 hộp x 12 khay = 3.8 kg/thùng) (1 hộp = 12 thanh)	25.00	26.76
	5	Kẹo nhai Doublemint hương chanh bạc hà / Doublemint Lemon Flavour Chewy mints / (80g x 6 hũ/khay x 6 khay/thùng = 2.88 kg/thùng)	16.45	18.62
	6	Kẹo Skittles Original hương Trái cây / Skittles Fruit Flavour Chewy Candy / (100g x 6 hũ/khay x 6khay/thùng = 3.6 kg/thùng)	17.28	18.76
	7	Kẹo nhai Doublemint hương bạc hà / Doublemint Peppermint Flavour Chewy mints / (80g x 6 hũ/khay x 6 khay/thùng = 2.88 kg/thùng)	16.77	18.62
	8	Kẹo Skittles Original hương Trái cây / Skittles Fruit Flavour Chewy Candy / (45g x 20 túi/khay x 6 khay/thùng = 5.4 kg/thùng)	15.49	22.02
103092529301/A41	1	Kẹo cao su hiệu Doublemint Hương Bạc hà (DM G2) chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9kg/thùng) (dạng xá)	71.32	110.03
	2	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	67.10	110.03
103094685411/A41	2	Viên ngậm không đường Doublemint hương Bạc Hà (Peppermint) / Doublemint/Eclipse Peppermint / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (12 kg/thùng)	61.33	70.48
	3	Viên ngậm không đường Doublemint hương bạc hà lục (Spearmint) (23.8g x 15 tuýp x 10 hộp/thùng = 3.57kg/thùng)	40.96	45.08
103096623341/A41	1	Kẹo sing-gum Doublemint hương nho / Doublemint Blackcurrant Bare pellets (DMT BLC 01 BARE PELLETS) / (21.9kg/thùng) (Dạng xá)	71.38	110.03

103099783 031/A41	1	Kẹo Sing-gum Doublemint hương Bạc Hà / Doublemint Peppermint stick gum / (2.7g x 5 thanh x 20 gói x 60 hộp/thùng = 16.2 kg/thùng)	75.09	83.98

Quyết định ấn định thuế 248/QĐ-ĐT ngày 10/02/2020 theo Thông báo về trị giá 303/TB-ĐT 05/02/2020 (biên bản tham vấn số 138/BB 05/02/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103102141 001/A41	1	Kẹo mềm Sugus hương Cam / Sugus stick Orange / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.50	69.96
	2	Kẹo mềm Sugus hương Dâu / Sugus Raspberry stick / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.64	69.96
	3	Kẹo mềm Sugus hương Nho / Sugus Blackcurrant stick / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.71	69.96
	4	Kẹo mềm Sugus hương Trái Cây (2 kg/bịch x 8 bịch/thùng = 16 kg/thùng)/ Sugus Assorted (8x2kg) (NFJ)	36.17	62.75
103108727 151/A41	1	Kẹo mềm Sugus hương Cam / Sugus stick Orange / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.52	69.42
	2	Kẹo mềm Sugus hương Dâu / Sugus Raspberry stick / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.66	69.42
	3	Kẹo mềm Sugus hương Nho / Sugus Blackcurrant stick / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ)	45.73	69.42

Quyết định ấn định thuế 317/QĐ-ĐT ngày 20/02/2020 theo:

+Thông báo về trị giá 373/TB-ĐT 13/3/2020 (biên bản tham vấn số 179+230+231/BB 12/02/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103116027 121/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	68.03	110.03
	2	Kẹo cao su hiệu Doublemint Hương Bạc hà (DM G2) chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9kg/thùng) (dạng xá)	72.27	110.03

+Thông báo về trị giá 374/TB-ĐT 13/02/2020 (biên bản tham vấn số 179+230+231/BB 12/02/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103126517061/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	69.93	110.03
103130241101/A41	1	Kẹo Sing-gum Doublemint hương Bạc Hà / Doublemint Peppermint stick gum / (2.7g x 5 thanh x 20 gói x 60 hộp/thùng = 16.2 kg/thùng)	77.14	83.98
	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	69.03	110.03
103130278861/A41	2	Kẹo cao su hiệu Doublemint Hương Bạc hà (DM G2) chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9kg/thùng) (dạng xá)	73.35	110.03

+Thông báo về trị giá 375/TB-ĐT 13/02/2020 (biên bản tham vấn số 179+230+231/BB 12/02/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103119761951/A41	1	Kẹo Skittles Original hương Trái cây / Skittles Fruit Flavour Chewy Candy / (100g x 6 hũ/khay x 6khay/thùng = 3.6 kg/thùng) (Kẹo mềm nhai)	17.21	18.76
	2	Kẹo cao su hiệu Extra Xylitol Sweetmint flavor chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (11.84kg/thùng) (dạng xá)	66.94	75.87
	3	Kẹo cao su hiệu Extra Professional peppermint flavor chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (11.84kg/thùng) (dạng xá)	66.45	76.13
	4	Kẹo Skittles Original hương Trái cây / Skittles Fruit Flavour Chewy Candy / (45g x 20 túi/khay x 6 khay/thùng = 5.4 kg/thùng) (Kẹo mềm nhai)	15.16	22.02
	5	Kẹo cao su hiệu Extra Xylitol Strawberry Flavour chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (11,84 kg/thùng) (dạng xá)	68.21	78.35
103121859743/A41	1	Kẹo mềm Sugus hương Cam / Sugus stick Orange / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ) (Kẹo dẻo nhai)	45.49	69.36
	2	Kẹo mềm Sugus hương Dâu / Sugus Raspberry stick / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ) (Kẹo dẻo nhai)	45.62	69.36
	3	Kẹo mềm Sugus hương Nho / Sugus Blackcurrant stick / (30g x 24 thanh x 24 hộp/thùng = 17,28 kg/thùng) (NFJ) (Kẹo dẻo nhai)	45.69	69.36

Quyết định ấn định thuế 440/QĐ-ĐT ngày 03/3/2020 theo:

+Thông báo về trị giá 452/TB-ĐT 27/02/20 (biên bản tham vấn số 275+278/BB 27/02/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD

103137805521/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	69.01	110.03
	2	Kẹo cao su hiệu Doublemint Hương Bạc hà (DM G2) chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9kg/thùng) (dạng xá)	73.32	110.03

+Thông báo về trị giá 453/TB-ĐT 27/02/20 (biên bản tham vấn số 275+278/BB 27/02/2020):

TKHQ	STT hàng	Tên hàng	Gía khai báo USD/UNK	Giá điều chỉnh USD
103140742831/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	69.16	110.03
	2	Kẹo cao su hiệu Doublemint Hương Bạc hà (DM G2) chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9kg/thùng) (dạng xá)	73.49	110.03
103140756351/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	70.16	110.03
103141765051/A41	1	Kẹo Sing-gum Doublemint hương Bạc Hà / Doublemint Peppermint stick gum / (2.7g x 5 thanh x 20 gói x 60 hộp/thùng = 16.2 kg/thùng)	77.13	83.98
103141782921/A41	1	Kẹo Sing-gum Cool Air hương Bạc Hà Khuynh Diệp / Cool Air Menthol Eucalyptus (ME) / chưa đóng gói trong bao bì bán lẻ (21,9 kg/thùng) (dạng xá)	69.54	110.03
	2	Kẹo sing-gum Doublemint hương nho / Doublemint Blackcurrant Bare pellets (DMT BLC 01 BARE PELLETS) / (21.9kg/thùng) (Dạng xá)	80.73	110.03

Phương pháp xác định: Phương pháp suy luận

Cơ sở dữ liệu sử dụng: Giá hàng giống hệt/tương tự đã được ấn định trên hệ thống GTT02.

Các dòng hàng khác: Chi cục chấp nhận trị giá khai báo.

2.2. Không đồng ý với việc bác bỏ và điều chỉnh giá tính thuế của Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư, Công ty đã có khiếu nại lần đầu các Quyết định ấn định thuế nêu trên.

Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu, Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-ĐT ngày 29/4/2020 với nội dung giữ nguyên các Quyết định ấn định thuế.

2.3. Trên cơ sở các nội dung được xác minh tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần hai nêu trên, căn cứ báo cáo của Phòng Thuế XNK qua thời gian xác minh, Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh nhận thấy:

a. Tại thời điểm tham vấn:

Công ty nhập khẩu hàng theo 30 tờ khai nêu trên từ 04 nhà sản xuất MARS PHILIPPINES, MARS WRIGLEY CONFECTIONERY CHINA, WRIGLEY

CONFECTIONERY SHANGHAI (18 mặt hàng/ 26 tờ khai); RUBIA INDUSTRIES (05 mặt hàng/ 04 tờ khai). Mặt hàng Công ty nhập khẩu thuộc 30 tờ khai nêu trên có mức giá thấp hơn mức giá đã được Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư ấn định cho các mặt hàng giống hệt, tương tự trước đó và tồn tại trên thống dữ liệu GTT02 trong thời hạn 90 ngày trước hoặc sau ngày xuất khẩu đối với 30 lô hàng nhập khẩu đang được xác định trị giá hải quan, Chi cục xác định Công ty có mối quan hệ đặc biệt với người xuất khẩu theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2025 (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019) của Bộ Tài chính. Tại thời điểm đăng ký tờ khai, Chi cục xác định nghi vấn là có cơ sở.

Tại các Biên bản tham vấn Chi cục xác định Công ty có mối quan hệ đặc biệt với cả 04 nhà sản xuất (bán hàng cho người nhập khẩu). Mặc dù Công ty khẳng định giao dịch với nhà cung cấp tiến hành phù hợp với tập quán thương mại quốc tế, thỏa mãn các điều kiện để được áp dụng phương pháp trị giá giao dịnh theo Thông tư của Bộ Tài chính; tuy nhiên tại thời điểm tham vấn Công ty không cung cấp chứng từ, tài liệu liên quan thể hiện mối quan hệ đặc biệt không ảnh hưởng đến trị giá giao dịch.

Qua kiểm tra hồ sơ và tờ khai, trong 04 nhà sản xuất Công ty không có mối quan hệ đặc biệt với công ty RUBIA INDUSTRIES (Công ty có khai báo trên Tờ khai trị giá); 03 nhà sản xuất còn lại có mối quan hệ đặc biệt. Chi cục đã không tách riêng 02 trường hợp có và không có mối quan hệ đặc biệt để làm rõ.

Giá khai báo của Công ty thấp hơn giá hàng giống hệt/tương tự trên hệ thống dữ liệu GTT02 trong thời hạn 90 ngày trước hoặc sau ngày xuất khẩu với hàng hoá nhập khẩu đang được xác định trị giá hải quan (mức giá hàng giống hệt/tương tự tồn tại trong hệ thống GTT02 cũng chính là mức giá tính thuế Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư đã bác bỏ giá khai báo và điều chỉnh cho chính Doanh nghiệp đã nhập khẩu trước đó). Đây là căn cứ nghi vấn ban đầu, chưa phải là lý do để quyết định bác bỏ trị giá tính thuế theo điểm b.5 khoản 3 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC 25/3/2015 của Bộ Tài chính (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018).

Trong quá trình tham vấn, do Công ty không cung cấp các chứng từ, tài liệu của 30 lô hàng nhập khẩu liên quan đến phương pháp xác định trị giá khai báo nên không đủ điều kiện áp dụng trị giá giao dịch, do đó về nguyên tắc và quy định việc Chi cục bác bỏ trị giá khai báo theo điểm đ.2.4 khoản 4 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC 25/3/2015 (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) là đúng quy định.

Mức giá tính thuế: Chi cục sử dụng phương pháp suy luận vận dụng linh hoạt phương pháp hàng giống hệt/tương tự theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 39/2015/TT-BTC 25/3/2015 của Bộ Tài chính (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019) để xác định trị giá tính thuế, cụ thể là mức giá ấn định của mặt hàng giống hệt/tương tự có trên hệ thống dữ liệu giá của cơ quan hải quan và các mức giá ấn định đã được hải quan tham vấn trong thời hạn quy định đối với Công ty TNHH MARS Việt Nam là đúng quy định với điều kiện phải xác định

bằng số liệu khách quan, cụ thể mối quan hệ đặc biệt thực sự có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch.

b. Tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần đầu:

Công ty không có thông tin khác so với thời điểm tham vấn. Công ty không cung cấp bổ sung các chứng từ, tài liệu của phương pháp xác định trị giá khai báo theo quy định.

Chi cục bác bỏ trị giá căn cứ điểm đ.2.4 khoản 4 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính, được sửa đổi bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định.

c. Tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần hai:

Qua kiểm tra toàn bộ hồ sơ tham vấn, hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu, đối thoại giải quyết khiếu nại lần hai, các giải trình và chứng từ doanh nghiệp xuất trình trong suốt thời gian đối thoại cho thấy:

Công ty đã cung cấp các chứng từ tài liệu theo yêu cầu (gồm Hợp đồng nguyên tắc; các hợp đồng liên quan đến Phí bản quyền, phí giấy phép; Invoice của nhà cung cấp bán cho các đối tác khác trong khu vực; Báo cáo Quyết toán thuế và Kiểm toán tài chính 2019; chứng từ thanh toán qua ngân hàng; hoá đơn GTGT phí vận tải) để xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch (của cả các trường hợp có và không có mối quan hệ đặc biệt) được quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019) của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở các chứng từ và giải trình của Công ty, tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần hai Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh nhận thấy chưa đủ cơ sở để kết luận mối quan hệ đặc biệt đã ảnh hưởng đến trị giá giao dịch vì tại thời điểm tham vấn và giải quyết khiếu nại lần đầu Chi cục chưa làm rõ Công ty có khai báo các khoản phải cộng (phí bản quyền) quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019) của Bộ Tài chính. Công ty cần phải hợp tác với cơ quan hải quan trong việc giải trình và cung cấp chứng từ, tài liệu có liên quan để tránh việc khiếu nại.

Đối chiếu với khai báo phí xếp dỡ cảng đi: tờ khai 103040838131/A41 ngày 10/12/2019 (FOB) thiếu 4.344.216 đ; tờ khai 103085879041/A41 ngày 02/01/2020 (FOB) thiếu 4.342.356 đ; tờ khai 103085687942/A41 (FOB) ngày 02/01/2020 thiếu 4.342.356 đ; tờ khai 103094685411/A41 ngày 07/01/2020 (FOB) thiếu 2.848.212 đ.

Căn cứ nội dung đối thoại và kiểm tra chi tiết các tờ khai thì việc Công ty khai báo Phí bản quyền, phí giấy phép dựa trên cơ sở tự đặt ra trị giá tạm tính tại thời điểm đăng ký tờ khai để khai báo và nộp thuế là chưa đúng theo quy định vì Công ty chưa biết chính xác số tiền phải trả cho người đang sở hữu thương hiệu, khi khai báo chi phí tạm tính Công ty không trao đổi với Chi cục để được hướng dẫn.

Nhận xét: khiếu nại của Công ty TNHH MARS Việt Nam sau khi đã cung cấp đầy đủ chứng từ, tài liệu và các giải trình liên quan là có cơ sở để xem xét giải quyết. Tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần hai Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh chưa đủ cơ sở để kết luận mối quan hệ đặc biệt có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch và cần làm rõ một số tình tiết mới.

IV. Kết quả đối thoại :

Qua đối thoại lần hai, ý kiến của các bên và báo cáo của Phòng thuế Xuất nhập khẩu, Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh kết luận:

1. Trong quá trình tham vấn, quyết định ấn định thuế và quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Công ty đã không tuân thủ đầy đủ các hướng dẫn về quyền lợi và trách nhiệm của người khai hải quan được quy định tại điểm b.2 khoản 4 Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) vì đã không hợp tác xuất trình các chứng từ tài liệu thể hiện và liên quan đến phương pháp xác định trị giá khai báo.

2. Tại thời điểm tham vấn và giải quyết khiếu nại lần đầu, trị giá khai báo tại 30 tờ khai nêu trên chưa đáp ứng các điều kiện để được áp dụng trị giá giao dịch quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều 6, Điều 7 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 Thông tư 60/2019 /TT-BTC ngày 30/8/2019) vì Công ty đã không xuất trình các chứng từ tài liệu thể hiện và liên quan đến phương pháp xác định trị giá khai báo; thuộc trường hợp có đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo quy định tại điểm đ.2.4 khoản 4 Điều 25 Thông tư 38/2015/TT-BTC (sửa đổi bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC).

3. Mức giá tính thuế Chi cục sử dụng để ấn định thuế là mức giá trong cơ sở dữ liệu – cũng là mức giá Hải quan dùng để ấn định cho các mặt hàng giống hệt được nhập khẩu là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 (đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019).

4. Công ty giải trình đã khai báo theo mức giá thực tế mua bán, tuy nhiên không cung cấp tài liệu, chứng từ thể hiện và liên quan với Chi cục tại thời điểm tham vấn và giải quyết khiếu nại lần đầu là không đúng quy định, dẫn đến khó khăn cho Chi cục trong việc xác định trị giá tính thuế.

5. Việc khai báo phí bản quyền để nộp thuế trước trong khi chưa biết chính xác số tiền phải trả là không đúng theo quy định tại khoản 8b Điều 14 Thông tư 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019.

6. Đối chiếu với khai báo phí xếp dỡ cảng đi: tờ khai 103040838131/A41 ngày 10/12/2019 (FOB) thiếu 4.344.216 đ; tờ khai 103085879041/A41 ngày 02/01/2020 (FOB) thiếu 4.342.356 đ; tờ khai 103085687942/A41 (FOB) ngày 02/01/2020 thiếu 4.342.356 đ; tờ khai 103094685411/A41 ngày 07/01/2020 (FOB)

thiếu 2.848.212 đ. Công ty có trách nhiệm phải khai báo vè nộp thuế bổ sung theo quy định.

7. Tại thời điểm đối thoại lần hai, Công ty đã cung cấp các chứng từ, tài liệu thể hiện và liên quan đến phương pháp trị giá giao dịch là phương pháp xác định trị giá công ty khai báo: Hợp đồng nguyên tắc cung cấp sản phẩm "Local Purchase Agreement" với nhà sản xuất không có mối quan hệ đặc biệt là RUBIA INDUSTRIES; Hợp đồng nguyên tắc sản xuất sản phẩm "Contract Manufacturer" với 03 nhà sản xuất còn lại có mối quan hệ đặc biệt, các hợp đồng liên quan đến Phí bản quyền, phí giấy phép ; Invoice của nhà cung cấp bán cho các đối tác trong khu vực; Báo cáo Quyết toán thuế và Kiểm toán tài chính 2019; hoá đơn GTGT phí vận tải tại VN; chứng từ thanh toán ngân hàng.

8. Tại buổi đối thoại lần hai, đại diện Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư xác nhận tại Quyết định ấn định thuế số 158/QĐ-ĐT 20/01/2020 áp dụng cho 05 tờ khai, Chi cục ghi thiếu 02 số Thông báo trị giá số 117/TB-ĐT và 115/TB-ĐT ngày 10/01/2020 tại Điều 2. Tổng cộng đơn khiếu nại lần 1 là 30 tờ khai.

V. Kết luận:

Tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần 1, Chi cục đã áp dụng đúng trình tự, căn cứ bác bỏ trị giá khai báo, sử dụng đúng phương pháp xác định trị giá tính thuế và cơ sở dữ liệu để xác định giá tính thuế.

Tại thời điểm giải quyết khiếu nại lần hai, căn cứ yêu cầu của Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh, Công ty đã cung cấp bổ sung các chứng từ, tài liệu và Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh kết luận các lô hàng nhập khẩu đủ điều kiện để xác định trị giá theo phương pháp trị giá giao dịch theo quy định, chưa đủ cơ sở để kết luận mối quan hệ đặc biệt ảnh hưởng đến trị giá giao dịch. Tại thời điểm tham vấn và đối thoại giải quyết khiếu nại lần đầu, Công ty cũng có trách nhiệm trong việc không cung cấp các chứng từ tài liệu thể hiện và liên quan đến phương pháp xác định trị giá khai báo theo yêu cầu của Chi cục nên cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để hoạt động xuất nhập khẩu được thuận lợi hơn.

Căn cứ khoản 4 Điều 6, Điều 7, Điều 13, khoản 8 Điều 14 Thông tư số 39/2015/TT-BTC 25/3/2015 và Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính;

Căn cứ điểm đ.3 khoản 4 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính;

Khiếu nại của Công ty TNHH MARS Việt Nam về việc Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư thuộc Cục Hải quan TP.Hồ Chi Minh bác bỏ trị giá giao dịch do doanh nghiệp có mối quan hệ đặc biệt có ảnh hưởng đến trị giá giao dịch của các lô hàng nhập khẩu tại 30 tờ khai đang khiếu nại là phù hợp nhưng qua quá trình xác minh làm rõ thì do Công ty khai báo không đúng quy định về phí bản quyền, phí giấy phép (quy định tại điểm b khoản 8 Điều 14 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày

30/8/2019 của Bộ Tài chính) nên Cục Hải quan TP Hồ Chí Minh chấp nhận một phần Đơn khiếu nại lần hai của Công ty.

Từ những nhận định và các căn cứ trên, xét đề nghị của Trưởng Phòng Thuế Xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ một phần quyết định bác bỏ trị giá khai báo và xác định trị giá tính thuế tại các Thông báo về trị giá của Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư kết luận người mua và người bán có mối quan hệ đặc biệt ảnh hưởng đến trị giá giao dịch. Chấp nhuận tính thuế theo trị giá khai báo theo phương pháp trị giá giao dịch cho các lô hàng nhập khẩu của 30 tờ khai:

+Thông báo về trị giá số 35/TB-ĐT 06/01/2020: tờ khai số 103032530861/A41 06/12/2019; 103032752431/A41 06/12/2019; 103033179101/A41 06/12/2019; 103033637932/A41 06/12/2019; 103033982441/A41 06/12/2019; 103040838131/A41 10/12/2019.

+Thông báo về trị giá số 118/TB-ĐT 10/01/2020: tờ khai số 103085687942/A41 02/01/2020; 103085879041/A41 02/01/2020

+Thông báo về trị giá số 117/TB-ĐT 10/01/2020: tờ khai số 103045627531/A41 28/12/2019; 103048434861/A41 17/12/2019.

+Thông báo về trị giá số 115/TB-ĐT 10/01/2020: tờ khai số 103068802761/A41 24/12/2019.

+Thông báo về trị giá số 275/TB-ĐT 22/01/2020: tờ khai số 103082558022/A41 31/12/2019; 103092406801/A41 07/01/2020; 103092529301/A41 06/01/2020; 103094685411/A41 07/01/2020; 103096623341/A41 08/01/2020; 103099783031/A41 09/01/2020.

+Thông báo về trị giá số 303/TB-ĐT 05/02/2020: tờ khai số 103102141001/A41 10/01/2020; 103108727151/A41 15/01/2020.

+Thông báo về trị giá số 373/TB-ĐT 13/3/2020: tờ khai số 103116027121/A41 17/01/2020.

+Thông báo về trị giá 374/TB-ĐT 13/02/2020: tờ khai số 103126517061/A41 31/01/2020; 103130241101/A41 03/02/2020; 103130278861/A41 03/02/2020.

+Thông báo về trị giá số 375/TB-ĐT 13/02/2020: tờ khai số 103119761951/A41 20/01/2020; 103121859743/A41 21/01/2020.

+Thông báo về trị giá số 452/TB-ĐT 27/02/20: tờ khai số 103137805521/A41 07/02/2020.

+Thông báo về trị giá số 453/TB-ĐT 27/02/20: tờ khai số 103140742831/A41 10/02/2020; 103140756351/A41 10/02/2020; 103141765051/A41 10/02/2020; 103141782921/A41 10/02/2020.

Điều 2. Công ty có trách nhiệm phải khai báo bổ sung các khoản Phí xếp dỡ hàng cảng đi, Phí bản quyền, phí giấy phép theo đúng quy định; nộp thuế bổ sung,

tiền phạt vi phạm hành chính (nếu có). Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư căn cứ Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính; khoản 8 Điều 14 Thông tư số 39/2015/TT-BTC 25/3/2015 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính để thực hiện việc xác định trị giá tính thuế theo thẩm quyền.

Điều 3. Trong thời hạn một năm kể từ ngày nhận quyết định, nếu Công ty không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại này thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ban hành. Giám đốc Công ty TNHH MARS Việt Nam, Chi cục Hải quan quản lý hàng Đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- Vụ Thanh tra - TCHQ (để báo cáo);
- Cục trưởng Cục Hải quan TP.HCM (để báo cáo)
- Phòng Thanh tra - Kiểm tra (để theo dõi);
- Website Cục Hải quan (để đăng thông tin);
- Lưu: VT, TXNK (6b).

TUQ.CỤC TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHỤ TRÁCH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC HẢI QUAN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

Nguyễn Quốc Toàn